

GIỚI HẠN QUYỀN TỰ XÉT ĐOÁN VỀ AN NINH QUỐC GIA TRONG KHUÔN KHỔ TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI - BÀI HỌC TỪ VỤ TRANH CHẤP DS544 GIỮA HOA KỲ VÀ TRUNG QUỐC

TS ĐÌNH KHƯƠNG DUY

Khoa Luật, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
School of Law, University of Economics Ho Chi Minh City
Email: duydk@ueh.edu.vn

Tóm tắt

Bài viết phân tích tranh chấp DS544 giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc liên quan tới việc Hoa Kỳ áp thuế thép, nhôm, viện dẫn ngoại lệ an ninh quốc gia theo Điều XXI của Hiệp định GATT 1994. Kết luận của Ban Hội thẩm cho thấy quyền viện dẫn ngoại lệ này không có tính tự xét đoán tuyệt đối và các thành viên WTO có nghĩa vụ chứng minh tính cần thiết của các biện pháp thương mại được áp dụng với lý do bảo vệ an ninh quốc gia. Từ đó, bài viết rút ra một số bài học cho Việt Nam trong xây dựng chính sách thương mại và chuẩn bị năng lực để tham gia tranh tụng thương mại quốc tế.

Từ khóa: DS544, Điều XXI, ngoại lệ an ninh quốc gia, tự xét đoán, WTO

Abstract

The article analyzes dispute DS544 between the United States and China concerning the former's imposition of tariffs on steel and aluminum products, invoking the national security exception under Article XXI of the GATT 1994. The Panel's ruling shows that the right to invoke this exception is not entirely self-judging, and WTO members have the obligation to prove the necessity of trade measures applied for national security reasons. From there, the article draws some lessons for Vietnam in building trade policies and preparing capacity to participate in international trade litigation.

Keywords: Article XXI, DS544, national security exception, self-judging, WTO

DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.662>

Ngày nhận bài: 15/09/2025

Ngày duyệt đăng: 17/02/2026

Khi tình hình kinh tế - chính trị toàn cầu ngày càng biến động, nhiều quốc gia tăng cường sử dụng các biện pháp thương mại như một công cụ để theo đuổi lợi ích quốc gia. Thay vì tuân thủ các quy tắc thương mại đa phương, nhiều thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (*World Trade Organization*, WTO) đã áp dụng các biện pháp đơn phương, lấy lý do bảo vệ an ninh quốc gia làm cơ sở pháp lý cho các biện pháp chính sách vi phạm cam kết đa phương. Trong bối cảnh đó, ngoại lệ an ninh quốc gia, được quy định tại Điều XXI của Hiệp định GATT 1994, trở thành “điểm nóng” trong các tranh luận pháp lý tại WTO. Việc ngoại lệ này được viện dẫn ngày càng thường xuyên trong quá trình giải quyết tranh chấp (GQTC) thể hiện rõ tầm quan trọng của an ninh quốc gia trong pháp luật thương mại quốc tế.

Chuỗi tranh chấp liên quan tới việc Hoa Kỳ áp thuế nhập khẩu đối với thép và nhôm theo Mục 232 của Đạo luật Mở rộng thương mại năm 1962 đã trở thành một trường hợp điển hình về viện dẫn ngoại lệ an ninh quốc gia trong khuôn khổ WTO.¹ Trong chuỗi tranh chấp này, Hoa Kỳ cho rằng nước này có toàn quyền đánh giá sự cần thiết của các biện pháp thuế quan nhằm bảo vệ các lợi ích an ninh thiết yếu. Trái lại, Ban hội thẩm đã kết luận các thành viên WTO không có quyền tự xét đoán (*self-judging*) hoàn toàn khi viện dẫn ngoại lệ an ninh quốc gia và các biện pháp của Hoa Kỳ không thỏa điều kiện áp dụng ngoại lệ này.

¹ Nguyên đơn trong loạt tranh chấp này (số hiệu DS544, DS547, DS548, DS550, DS551, DS552, DS554, DS556 và DS564) là Ấn Độ, Canada, Liên minh châu Âu (EU), Mexico, Na Uy, Nga, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ và Trung Quốc.

Bài viết này tập trung vào tranh chấp DS544, trong đó Trung Quốc là nguyên đơn.² Qua việc nghiên cứu quan điểm của các bên tranh chấp và Ban hội thẩm trong việc giải thích và xác định phạm vi áp dụng của Điều XXI(b) Hiệp định GATT 1994, bài viết đặt mục tiêu làm rõ giới hạn quyền tự xét đoán của các thành viên WTO khi viện dẫn ngoại lệ an ninh quốc gia, đồng thời làm rõ vai trò của WTO trong việc duy trì sự cân bằng của hệ thống thương mại đa biên. Từ đó, bài viết cũng rút ra một số bài học cho Việt Nam về xây dựng chính sách và tranh tụng thương mại quốc tế trong bối cảnh quốc tế diễn biến phức tạp.

Để đạt mục tiêu nghiên cứu trên, bài viết tập trung trả lời một số câu hỏi sau đây: (i) Ngoại lệ an ninh quốc gia có vị trí như thế nào trong hệ thống pháp luật WTO? (ii) Quyền viện dẫn ngoại lệ an ninh quốc gia của các thành viên WTO có tính tự xét đoán tuyệt đối hay không, và nếu không thì đâu là giới hạn của quyền này? (iii) Vai trò giám sát của WTO đối với việc các thành viên viện dẫn ngoại lệ an ninh quốc gia thể hiện ra sao? (iv) Có thể rút ra những bài học gì cho Việt Nam từ thực tiễn GQTC về ngoại lệ an ninh quốc gia trong khuôn khổ WTO?

Tại các mục 2, 3, 4, bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích – diễn giải điều ước quốc tế, kết hợp với phương pháp phân tích án lệ nhằm làm sáng tỏ nội hàm, các tiêu chí cũng như giới hạn khi áp dụng ngoại lệ an ninh quốc gia trong khuôn khổ WTO. Tiếp đó, ở mục 5, trên cơ sở kết quả nghiên cứu ở các phần trước, bài viết rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Mặc dù ngoại lệ an ninh quốc gia đã được thảo luận nhiều trên thế giới, tại Việt Nam, vấn đề này vẫn chưa nhận được nhiều sự quan tâm trong các công trình thuộc lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế. Việc bỏ khuyết cho nghiên cứu học thuật, đồng thời rút ra những hàm ý pháp lý mang giá trị thiết thực cho Việt Nam là mục tiêu đóng góp của nghiên cứu này.

1. Khái quát về ngoại lệ an ninh quốc gia trong pháp luật của Tổ chức Thương mại Thế giới

Ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ an ninh quốc gia trong thương mại quốc tế, các quốc gia đã đưa ra ngoại lệ về an ninh quốc gia vào Điều XXI của Hiệp định GATT 1947.³ Mặc dù còn thiếu sự giám sát cụ thể, Hiệp định GATT 1947 đã thừa nhận rằng trong những tình huống đặc biệt, các quốc gia thành viên có quyền thực hiện các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia dù có thể vi phạm các cam kết thương mại quốc tế.

Ngoài ra, WTO không chỉ áp dụng ngoại lệ an ninh trong lĩnh vực thương mại hàng hóa mà còn mở rộng sang lĩnh vực thương mại dịch vụ và sở hữu trí tuệ. Cụ thể, Hiệp định chung về thương mại dịch vụ (*General Agreement on Trade in Services, GATS*) có quy định về ngoại lệ an ninh tại Điều XIVbis và Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (*Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights, TRIPS*) cũng quy định về ngoại lệ an ninh tại Điều 73. Các quy định này tạo điều kiện thuận lợi để các quốc gia có thể bảo vệ các lĩnh vực nhạy cảm như tài chính, viễn thông trước các nguy cơ về an ninh quốc gia. Do các điều khoản này có nội dung cơ bản giống nhau, bài viết chỉ phân tích Điều XXI của Hiệp định GATT 1994 để làm rõ về ngoại lệ an ninh trong khuôn khổ WTO.

Điều XXI của Hiệp định GATT 1994 bao gồm ba khoản chính, mỗi khoản hướng tới bảo vệ một yếu tố thiết yếu đối với an ninh quốc gia trong bối cảnh thương mại quốc

2 DS544: United States – Certain Measures on Steel and Aluminium Products, https://www.wto.org/english/tratop_e/dispu_e/cases_e/ds544_e.htm, truy cập ngày 20/05/2026.

3 Điều XXI, Hiệp định chung về thuế quan và thương mại GATT 1947.

tế.⁴ Khoản (a) cho các quốc gia quyền từ chối cung cấp các thông tin mà việc tiết lộ có thể gây nguy hại cho lợi ích an ninh quốc gia. Khoản này cho phép các thành viên bảo vệ các dữ liệu có thể gây tổn hại nếu bị tiết lộ và tránh việc phải cung cấp những thông tin có thể bị lợi dụng để xâm phạm an ninh quốc gia.

Khoản (b) cho phép các thành viên WTO bảo vệ lợi ích an ninh quốc gia qua các biện pháp được áp dụng trong một số tình huống đặc biệt. Các biện pháp này bao gồm bảo vệ các vật liệu phân hạch, vũ khí, đạn dược, hoặc các sản phẩm có liên quan đến quân sự. Quy định này tạo cơ sở pháp lý cho các thành viên WTO trong việc kiểm soát xuất khẩu và lưu thông các mặt hàng chiến lược như vật liệu hạt nhân hay vũ khí, đặc biệt là khi chúng có thể làm suy yếu tiềm lực quốc phòng hoặc ảnh hưởng tới an ninh quốc gia. Khoản này cũng đề cập các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia trong thời gian chiến tranh hay trong các tình huống khẩn cấp ở phạm vi quốc tế.

Cuối cùng, khoản (c) đề cập các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia trong bối cảnh thực hiện các nghĩa vụ quốc tế, đặc biệt là khi tham gia vào các hoạt động giữ gìn hòa bình và an ninh quốc tế theo Hiến chương Liên hợp quốc. Khoản này cho phép các thành viên tiến hành trừng phạt kinh tế, hạn chế thương mại hay các biện pháp khác theo yêu cầu của Liên hợp quốc mà không vi phạm các cam kết trong WTO. Điều XXI của Hiệp định GATT 1994 có một số điểm khác biệt rõ rệt so với Điều XX của Hiệp định này về mục đích, phạm vi áp dụng và yêu cầu về tính cần thiết của các biện pháp. Điều XXI hướng tới bảo vệ an ninh quốc gia, đặc biệt trong những tình huống khẩn cấp hoặc chiến tranh. Trong khi đó, Điều XX có phạm vi rộng hơn, hướng tới bảo vệ các giá trị phi kinh tế như sức khỏe con người, môi trường và đạo đức công cộng, không nhất thiết phải liên quan đến tình trạng khẩn cấp trong quan hệ quốc tế.⁵

Ngoài ra, ngoại lệ chung và ngoại lệ an ninh quốc gia cũng có khác biệt về quyền tự xét đoán của các thành viên trong việc xác định tính cần thiết của biện pháp thương mại. Quyền tự xét đoán được hiểu là việc điều ước quốc tế cho phép quốc gia được quyền không tuân thủ nghĩa vụ quốc tế trong một số trường hợp nhất định mà không thể bị phán xét, chẳng hạn khi quốc gia cho rằng việc tuân thủ có thể phương hại đến chủ quyền, an ninh, trật tự công cộng hoặc các lợi ích quốc gia thiết yếu khác.⁶ Do không có quy định cụ thể và thiếu vắng án lệ về ngoại lệ này – một điểm khác biệt nữa so với Điều XX – nhiều thành viên WTO cho rằng Điều XXI cho phép các quốc gia toàn quyền tự xét đoán khi xác định tính cần thiết của biện pháp thương mại vì mục tiêu an ninh quốc gia.⁷

Một mặt, quyền tự xét đoán sẽ đem lại sự linh hoạt trong quá trình áp dụng ngoại lệ an ninh, tránh được hạn chế của ngoại lệ chung – cơ chế áp dụng quá khắt khe khiến việc viện dẫn rất khó khăn và gần như không thể thành công.⁸ Tuy vậy, quyền tự xét đoán cũng tiềm ẩn nguy cơ dẫn tới sự lạm dụng của các thành viên.⁹ Khi không có sự giám sát pháp lý của WTO, các biện pháp hạn chế thương mại có thể được áp dụng tùy tiện dưới

4 WTO, *Analytical index – GATT 1994: Security exceptions*, 2012, tr. 600-601.

5 Peter Lindsay, “The ambiguity of GATT Article XXI: Subtle success or rampant failure”, *Duke Law Journal*, Vol. 52(6), 2003, tr. 1308, 1282.

6 Stephen Schill, Robyn Briese, “If the state considers: Self-judging clauses in international dispute settlement”, *Max Planck Yearbook of United Nations Law*, Vol. 13, 2009, tr. 64, doi: <https://doi.org/10.1163/18757413-90000037>

7 Japan Ministry of Economy, Trade and Industry (METI), *Security exceptions – interpretation of GATT Article XXI and recent WTO precedents*, 2023.

8 Daniel Rangel, “WTO general exceptions: Trade law’s faulty ivory tower”, *Public Citizen’s Global Trade Watch, Washington, DC*, 2022, <https://www.finance.senate.gov/imo/media/doc/Woodall%20AFL-CIO%20Tech%20Insittute%20Digital%20Trade%20Testimony.pdf>

9 Kartikey Vipul Misra, “Analysing the ‘self-judging’ nature of Article XXI of the GATT”, *International Journal of Legal Studies and Innovation*, Vol. 04(1), 2021, tr. 594, doi: <https://doj.org/10.1000/IJLSI.111358>

“tấm lá chắn” an ninh quốc gia. Kể từ khi bắt đầu có tranh chấp viện dẫn ngoại lệ an ninh quốc gia, thông qua các báo cáo GQTC, WTO đã nhiều lần khẳng định quan điểm ngoại lệ này không hoàn toàn có tính tự xét đoán, do đó việc viện dẫn nó vẫn phải chịu sự xem xét của cơ quan GQTC để tránh sự lạm dụng.¹⁰

Một điểm đáng chú ý là từ khi WTO được thành lập, các thành viên rất thận trọng khi viện dẫn ngoại lệ an ninh quốc gia để biện minh cho các biện pháp hạn chế thương mại vì lo ngại việc lạm dụng ngoại lệ này có thể làm suy yếu hệ thống đa biên.¹¹ Tuy nhiên, trong một thập niên trở lại đây, việc viện dẫn ngoại lệ an ninh quốc gia trong khuôn khổ WTO có xu hướng gia tăng, mà vụ tranh chấp DS544 giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc là một trường hợp điển hình.

2. Những vấn đề pháp lý nổi bật trong tranh chấp DS544 giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc

Tranh chấp DS544 bắt nguồn từ quyết định của Hoa Kỳ áp dụng mức thuế cao đối với thép và nhôm nhập khẩu từ nhiều quốc gia với lý do bảo vệ an ninh quốc gia, dựa trên Mục 232 của Đạo luật Mở rộng thương mại năm 1962. Đạo luật này cho phép Chính phủ Hoa Kỳ áp dụng thuế quan lên hàng hóa nhập khẩu để ngăn chặn những nguy cơ đối với an ninh quốc gia.

Ngày 05/4/2018, Trung Quốc đã chính thức yêu cầu tham vấn với Hoa Kỳ về các biện pháp thuế quan bị cáo buộc vi phạm quy định của WTO. Trung Quốc là thành viên đầu tiên yêu cầu tham vấn về các biện pháp này. Sau đó, nhiều thành viên khác đã gửi yêu cầu tương tự tới WTO với lý do các biện pháp của Hoa Kỳ vi phạm các quy định trong Hiệp định GATT 1994 về đãi ngộ tối huệ quốc (*most-favoured nation*, MFN) và cắt giảm thuế quan, cùng nhiều quy định trong Hiệp định về các biện pháp tự vệ. Trung Quốc cũng yêu cầu Cơ quan Giải quyết tranh chấp (*Dispute Settlement Body*, DSB) đánh giá liệu lý do bảo vệ an ninh quốc gia mà Hoa Kỳ đưa ra có hợp lý trong trường hợp này. Yêu cầu này được đưa ra căn cứ theo Điều 4 của Quy định về Quy tắc và Thủ tục GQTC (*Dispute Settlement Understanding*, DSU), Điều XXII của Hiệp định GATT 1994 và Điều 14 của Hiệp định về các biện pháp tự vệ.

Một phiên tham vấn giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ được tổ chức ngày 19/7/2018 nhưng đã không thể điều hòa được mâu thuẫn giữa hai bên. Do đó, vào ngày 18/10/2018, Trung Quốc đề nghị DSB thành lập Ban Hội thẩm, căn cứ theo Điều 4 và 6 của DSU. Trong phiên họp ngày 21/11/2018, DSB đã chấp thuận thành lập một Ban hội thẩm để xem xét vấn đề tranh chấp với nhiệm vụ đánh giá các biện pháp của Hoa Kỳ và mức độ tuân thủ với các quy định của WTO.¹²

Trong quá trình GQTC, Hoa Kỳ viện dẫn Điều XXI(b) của Hiệp định GATT 1994, vì nước này cho rằng các biện pháp thuế quan là hành động cần thiết để bảo vệ các lợi ích an ninh thiết yếu. Hoa Kỳ cũng lập luận rằng các biện pháp của nước này đã được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp của quan hệ quốc tế theo yêu cầu của Điều XXI(b)(iii). Ban hội thẩm đã tập trung làm rõ các bất đồng trong việc diễn giải nội dung Điều XXI(b) của Hiệp định GATT 1994. Trên cơ sở đó, Ban hội thẩm đánh giá liệu các biện pháp bị

10 Lode Van Den Hende, Eric White, Lukas Maly, “Landmark ruling on the WTO national security exception”, *Herbert Smith Freehills*, 2019, <https://www.hsfkramer.com/insights/2019-06/landmark-ruling-on-the-wto-national-security-exception>, truy cập ngày 26/11/2025.

11 James Bacchus, “The black hole of national security: Striking the right balance for the national security exception in international trade”, *Cato Institute Policy Analysis*, No. 936, 2002, tr. 2.

12 DSB, *Minutes of Meeting Held in the Centre William Rappard on 21 November 2018 (WT/DSB/M/421)*, 2018.

xác định là vi phạm một số quy định của Hiệp định GATT 1994 có thể được biện minh theo các điều kiện và hoàn cảnh được nêu tại khoản (iii) của Điều XXI(b) hay không.¹³

Ban hội thẩm nhận định rằng “tình trạng khẩn cấp trong quan hệ quốc tế” theo Điều XXI(b)(iii) chỉ những tình huống có tính nghiêm trọng hoặc cấp bách và những căng thẳng có tác động sâu sắc tới quan hệ quốc tế. Sau khi xem xét chứng cứ và lập luận của các bên, Ban Hội thẩm nhận thấy các biện pháp của Hoa Kỳ không được thực hiện trong thời gian chiến tranh hay tình huống khẩn cấp trong quan hệ quốc tế theo Điều XXI(b) (iii) của Hiệp định GATT 1994. Do đó, Ban hội thẩm đã kết luận rằng các biện pháp này không thể được biện minh theo ngoại lệ an ninh quốc gia. Vào ngày 26/01/2023, Hoa Kỳ đã thông báo cho DSB về quyết định kháng cáo một số vấn đề pháp lý và cách diễn giải pháp luật trong báo cáo của Ban hội thẩm.¹⁴ Tuy vậy, Cơ quan Phúc thẩm của WTO hiện nay không hoạt động nên kháng cáo này vẫn chưa được giải quyết.

3. Giới hạn của quyền tự xét đoán khi vận dụng ngoại lệ an ninh quốc gia trong khuôn khổ Tổ chức Thương mại Thế giới

Trong tranh chấp DS544, Hoa Kỳ viện dẫn Điều XXI(b) của Hiệp định GATT 1994, cho rằng các biện pháp bị khiếu kiện là những hành động cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh thiết yếu của nước này. Do đó, nhiệm vụ trọng tâm của Ban hội thẩm là xác định việc Hoa Kỳ viện dẫn ngoại lệ an ninh quốc gia có cơ sở pháp lý hay không.

Để trả câu hỏi này, Ban hội thẩm trước hết phải giải quyết sự bất đồng quan điểm giữa các bên về thẩm quyền của WTO đối với ngoại lệ an ninh quốc gia. Theo đó, Ban hội thẩm cần làm rõ vấn đề cốt lõi: liệu việc áp dụng Điều XXI(b) có thể dựa trên sự tự xét đoán tuyệt đối hay vẫn có cơ sở pháp lý cho sự giám sát của WTO. Để làm rõ vấn đề này, Ban Hội thẩm đã áp dụng Điều 3.2 của DSU cùng một số nguyên tắc diễn giải điều ước quốc tế nhằm đảm bảo Điều XXI(b) được giải thích một cách nhất quán. Sau khi xác định được thẩm quyền, Ban hội thẩm tiếp tục đánh giá chứng cứ và lập luận của các bên, từ đó kết luận liệu các biện pháp thuế quan mà Hoa Kỳ áp dụng có thỏa các điều kiện viện dẫn ngoại lệ theo Điều XXI(b).

3.1. Quyền tự xét đoán về tính cần thiết của biện pháp thương mại

Tính cần thiết của biện pháp là vấn đề cốt lõi khi viện dẫn các ngoại lệ trong khuôn khổ WTO. Chỉ khi được đánh giá là thật sự cần thiết, một biện pháp vi phạm một hay nhiều nghĩa vụ trong WTO mới được biện minh theo các ngoại lệ này. Chẳng hạn, khi áp dụng ngoại lệ chung theo Điều XX của Hiệp định GATT 1994, một biện pháp được cho là cần thiết nếu không có biện pháp thay thế nào tuân thủ Hiệp định này hơn hoặc ít vi phạm Hiệp định này hơn.¹⁵

Lịch sử GQTC trong WTO cho thấy đối với ngoại lệ chung, thẩm quyền của Ban hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm trong việc xem xét tính cần thiết của biện pháp bị khiếu kiện đã hoàn toàn được thừa nhận. Tuy nhiên, đối với ngoại lệ an ninh quốc gia, việc DSB có quyền xem xét tính cần thiết của biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia hay không lại là một câu hỏi nan giải và chưa nhận được sự đồng thuận của tất cả thành viên.¹⁶ Sự khác biệt về quan điểm của các quốc gia thực tế đã có từ trong giai đoạn Hiệp định GATT 1947, bắt đầu bộc lộ rõ từ tranh chấp DS512 Nga – Vận tải quá cảnh.¹⁷

13 *Tlđđ* (2).

14 *Tlđđ* (2).

15 Đinh Khương Duy, Lê Ngọc Khương, “Thực tiễn vận dụng Điều XX GATT trong các tranh chấp về nguyên tắc không phân biệt đối xử và bài học cho Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 1, 2016.

16 Chao Wang, “Invocation of national security exceptions under GATT Article XXI: jurisdiction to review and standard of review”, *Chinese Journal of International Law*, Vol. 18(3), 2019, tr. 697-699, <https://doi.org/10.1093/chinesejil/jmz029>

17 DS512: Russia - Measures Concerning Traffic in Transit.

Trong vụ tranh chấp DS544, Hoa Kỳ đã trình bày những lý do chính cho phép nước này bảo vệ các lợi ích an ninh quốc gia thiết yếu. Hoa Kỳ “xác định rằng thuế quan là cần thiết để điều chỉnh việc nhập khẩu các mặt hàng thép và nhôm có nguy cơ làm suy yếu an ninh quốc gia của Hoa Kỳ”.¹⁸ Trong quá trình GQTC, Hoa Kỳ kiên trì khẳng định yêu cầu duy nhất để một thành viên viện dẫn ngoại lệ an ninh là thành viên đó cho rằng một hành động cụ thể là cần thiết để bảo vệ các lợi ích an ninh thiết yếu của mình trong một trường hợp được xác định theo Điều XXI(b). Yêu cầu này được đáp ứng khi thành viên chỉ ra rằng họ đã đưa ra quyết định như vậy khi có sự hiện hữu của một hoặc nhiều trường hợp được nêu trong Điều XXI(b).¹⁹

Hoa Kỳ đưa ra nhiều lý do, kể cả phân tích về mặt ngữ pháp của mệnh đề “*which it considers necessary*” để lập luận rằng Điều XXI(b) là một điều khoản có tính tự xét đoán. Theo quan điểm của Hoa Kỳ, mọi quyết định về tình huống khẩn cấp và biện pháp ứng phó đều do quốc gia tự xét đoán và không thuộc quyền giám sát của WTO. Hoa Kỳ nhận định tính tự xét đoán là cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh quốc gia mà không bị ảnh hưởng bởi các cam kết thương mại quốc tế. Do đó, “Hoa Kỳ lập luận rằng việc viện dẫn Điều XXI(b) dựa trên sự tự xét đoán và không thể phán xử, ngụ ý rằng các cơ quan WTO không có thẩm quyền đánh giá tính phù hợp của các biện pháp được áp dụng.”²⁰

Trung Quốc lại cho rằng mặc dù Điều XXI(b) cho phép các quốc gia tự quyết định biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia, các biện pháp này vẫn phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của WTO, bao gồm tính hợp lý, tính không phân biệt đối xử và tính tương xứng. Trung Quốc khẳng định các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia không thể được áp dụng một cách tùy tiện mà không có sự giám sát hay đánh giá của WTO, nhất là khi chúng ảnh hưởng đến thương mại quốc tế.²¹ Điều này cho thấy hai cường quốc có quan điểm đối lập về tính chất và mức độ tự xét đoán mà Điều XXI(b) cho phép, từ đó phản ánh sự khác biệt sâu sắc trong cách diễn giải ranh giới giữa chủ quyền quốc gia và nghĩa vụ tuân thủ pháp luật WTO.

Trong tranh chấp này, cả hai bên đều dẫn nhiều tài liệu khác nhau để giải thích Điều XXI(b) của GATT 1994, bao gồm cả lịch sử đàm phán của Hiệp định GATT 1947, các tài liệu của phái đoàn Mỹ tham gia đàm phán Hiến chương của Tổ chức Thương mại quốc tế (Hiến chương Havana), cũng như quan điểm của các thành viên Hiệp định GATT 1947 và lịch sử đàm phán của Vòng đàm phán Uruguay. Các bên cho rằng những tài liệu này hỗ trợ cho lập luận chính của họ về Điều XXI(b) và cách áp dụng Điều 31(1) của Công ước Viên về Luật Điều ước quốc tế năm 1969. Tuy nhiên, theo phân tích của Ban Hội thẩm, các tài liệu này không đưa ra chỉ dẫn rõ ràng về các vấn đề tranh chấp, đặc biệt là phạm vi và bản chất của việc đánh giá việc một thành viên viện dẫn Điều XXI(b) trong các thủ tục GQTC.²²

Đáng chú ý, Ban hội thẩm đã tham khảo án lệ trong tranh chấp DS512, trong đó cơ quan GQTC của WTO lần đầu tiên khẳng định thẩm quyền đánh giá giới hạn phạm vi viện dẫn ngoại lệ an ninh. Trong tranh chấp này, Nga đã viện dẫn Điều XXI(b)(iii) để cấm vận chuyển quá cảnh hàng hóa từ Ukraina với lý do an ninh quốc gia. Mặc dù đồng ý rằng Nga có quyền quyết định thực hiện các biện pháp ứng phó, Ban hội thẩm đồng thời khẳng định WTO có quyền đánh giá sự hiện hữu của tình trạng khẩn cấp quốc tế. Đây là lần đầu tiên WTO nêu quan điểm về tính tự xét đoán của Điều XXI. Theo đó,

18 Báo cáo WT/DS544/R của Ban Hội thẩm, đoạn 7.94.

19 *Tlđđ* (18), đoạn 7.105.

20 *Tlđđ* (18), đoạn 7.113.

21 *Tlđđ* (18), đoạn 7.115.

22 *Tlđđ* (18), các đoạn 7.126-7.127.

WTO có quyền yêu cầu thành viên chứng tỏ tính hợp lý của các biện pháp thương mại được áp dụng với mục tiêu bảo vệ an ninh quốc gia.²³

Từ những căn cứ trên, Ban hội thẩm trong tranh chấp DS544 kết luận đã rằng dù Điều XXI(b) của Hiệp định GATT 1994 cho phép một thành viên thực hiện các biện pháp bảo vệ lợi ích an ninh thiết yếu trong những điều kiện cụ thể, điều khoản này không có tính tự xét đoán hoàn toàn hay không thể phán xử như quan điểm của Hoa Kỳ. Ban hội thẩm khẳng định sự tồn tại của các điều kiện được nêu trong các tiểu mục (i) đến (iii) của Điều XXI(b) không phụ thuộc hoàn toàn vào nhận định chủ quan của bên viện dẫn mà cần được đặt trong khuôn khổ thủ tục GQTC tại WTO. Sau khi đi đến kết luận này, Ban hội thẩm tiếp tục đánh giá việc Hoa Kỳ viện dẫn Điều XXI(b) của GATT 1994 đối với các biện pháp trong tranh chấp theo những tiêu chuẩn khách quan.²⁴

Như vậy, tranh chấp DS544 cho thấy sự khác biệt trong quan điểm của các quốc gia khi áp dụng Điều XXI(b). Sự khác biệt này không chỉ khiến cơ quan xét xử phải lựa chọn giữa hai mô hình kiểm soát pháp lý, một bên là quyền tùy nghi gần như tuyệt đối, một bên là cơ chế giám sát chặt chẽ, mà còn đặt ra câu hỏi về khả năng duy trì tính nhất quán của hệ thống thương mại đa biên khi các thành viên lớn có cách diễn giải điều ước quốc tế phục vụ lợi ích chiến lược riêng. Đáng lưu ý, trong tranh chấp DS597 về ghi nhãn xuất xứ giữa Hoa Kỳ và Hồng Kông, lập luận của Hoa Kỳ về tính tự xét đoán đã bị Hồng Kông và nhiều bên thứ ba phản đối mạnh mẽ. Các thành viên này cho rằng nếu chấp nhận quan điểm Điều XXI có tính tự xét đoán tuyệt đối, ngoại lệ an ninh sẽ trở thành lỗ hổng pháp lý để các quốc gia lẩn tránh nghĩa vụ trong WTO.²⁵

3.2. Quyền tự xét đoán về tình trạng khẩn cấp trong quan hệ quốc tế

Trong tranh chấp này, một điểm then chốt khác là việc giải thích và áp dụng Điều XXI(b) của Hiệp định GATT 1994 về tình trạng khẩn cấp trong quan hệ quốc tế (*emergency in international relations*). Khi viện dẫn ngoại lệ an ninh để bảo vệ các biện pháp thuế quan đối với sản phẩm thép và nhôm, Hoa Kỳ khẳng định ngay cả khi Điều XXI(b) bị Ban Hội thẩm xem là không có tính tự xét đoán, các biện pháp này vẫn tuân thủ pháp luật WTO do chúng được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp của quan hệ quốc tế.²⁶ Ở một số tranh chấp khác, Hoa Kỳ thậm chí cho rằng việc khẳng định tính tự xét đoán (về sự cần thiết của biện pháp) theo Điều XXI(b) là đủ và không cần thiết phải chứng minh sự tồn tại của tình trạng khẩn cấp trong quan hệ quốc tế. Nhìn chung, trong các tranh chấp về ngoại lệ an ninh quốc gia, các thành viên không phản đối việc WTO áp dụng các tiêu chí khách quan để xác định sự tồn tại của tình trạng này.²⁷ Quan điểm trao quyền xem xét cho WTO cũng được một số thành viên nhắc tới trong Vòng đàm phán Uruguay.²⁸ Như vậy, việc xác định sự tồn tại của tình trạng khẩn cấp quốc tế không có tính tự xét đoán mà phải được xác định theo các tiêu chí khách quan.

Trong tranh chấp DS544, Ban hội thẩm chỉ ra rằng không phải bất kỳ tình huống nào cũng có thể coi là khẩn cấp mà phải có tính chất nghiêm trọng, ảnh hưởng đến quan hệ quốc tế. Cụ thể, Ban hội thẩm nhận định: “Khái niệm ‘tình trạng khẩn cấp trong quan hệ quốc tế’ theo Điều XXI(b)(iii) phải có tính chất, nếu không phải giống như mức độ nghiêm trọng hoặc trầm trọng, ít nhất cũng phải tương đương về mức độ nghiêm trọng

23 DS512: Russia - Measures Concerning Traffic in Transit.

24 *Tlđđ* (18), đoạn 7.128.

25 DS597: United States - Origin Marking Requirement.

26 *Tlđđ* (18), đoạn 7.134.

27 *Tlđđ* (9).

28 *Tlđđ* (5), tr. 603.

hoặc trầm trọng so với ‘chiến tranh’ về ảnh hưởng của nó đối với quan hệ quốc tế.”²⁹ Như vậy, chỉ những tình huống tác động nghiêm trọng tới quan hệ quốc tế mới được xem là khẩn cấp, cho phép một thành viên áp dụng các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia.

Ban hội thẩm cũng cho rằng các yếu tố mà Hoa Kỳ dẫn ra từ báo cáo của Bộ Thương mại Hoa Kỳ (*United States Department of Commerce, USDOC*) liên quan đến tình trạng thừa công suất toàn cầu trong ngành thép và nhôm không đủ chứng minh các biện pháp này được áp dụng trong “thời gian khẩn cấp trong quan hệ quốc tế”. Ban hội thẩm nhận định, “những yếu tố mà các cơ quan nội bộ của Hoa Kỳ dẫn ra theo Điều 232 liên quan đến một tiêu chuẩn và cơ sở pháp lý khác theo luật pháp quốc gia của Hoa Kỳ so với các quy định của các hiệp định thuộc phạm vi thẩm quyền của Ban Hội thẩm theo DSU”.³⁰ Các yếu tố này chủ yếu liên quan tới tình hình trong nước của ngành công nghiệp thép và nhôm của Hoa Kỳ, không phải là những tình huống có tính chất quốc tế, vì vậy không thể coi là căn cứ đầy đủ về tình trạng khẩn cấp quốc tế.

Đặc biệt, Ban hội thẩm nhận định rằng dù Điều XXI(b) của GATT 1994 cho phép các quốc gia tự quyết định biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia của mình, các biện pháp này vẫn phải tuân thủ những tiêu chí cụ thể, nhất là về tính hợp lý và mức độ nghiêm trọng của tình huống. Trong trường hợp này, “Ban hội thẩm không cho rằng tình huống mà Hoa Kỳ viện dẫn có đủ tính nghiêm trọng hoặc trầm trọng của căng thẳng ở tầm quốc tế để cấu thành một ‘tình trạng khẩn cấp trong quan hệ quốc tế’ cho phép một bên áp dụng Điều XXI(b)(iii).”³¹ Do đó, Ban hội thẩm đi đến kết luận các biện pháp này không tuân thủ Điều I:1 và II:1 của Hiệp định GATT 1994 và không được biện minh theo Điều XXI(b)(iii) của hiệp định này.

Tương tự, trong tranh chấp DS597, Ban hội thẩm cũng kết luận rằng Hoa Kỳ không chứng minh được sự tồn tại của tình trạng khẩn cấp trong quan hệ quốc tế như yêu cầu bởi Điều XXI(b)(iii). Dù có những quan ngại chính trị và nhân quyền liên quan tới Hồng Kông, các yếu tố đó không đạt tới ngưỡng của một cuộc khủng hoảng ngoại giao nghiêm trọng hoặc xung đột mang tính đối đầu trực tiếp. Vì vậy, biện pháp của Hoa Kỳ buộc hàng hóa có xuất xứ Hồng Kông phải ghi nhãn xuất xứ “*Made in China*” đã vi phạm Điều IX:1 của GATT 1994 do đối xử kém thuận lợi hơn với Hồng Kông – một thành viên có quy chế lãnh thổ hải quan riêng biệt, và không thể được biện minh theo ngoại lệ an ninh. Các bên thứ ba tham gia tranh chấp này cũng chung quan điểm rằng tình trạng khẩn cấp trong quan hệ quốc tế phải được diễn giải một cách nghiêm ngặt tương đương với chiến tranh, xung đột vũ trang, hoặc sự đổ vỡ hoàn toàn trong quan hệ quốc tế, chứ không đơn giản là những căng thẳng chính trị thông thường.³²

4. Một số bài học cho Việt Nam trong việc xây dựng pháp luật và tham gia tranh tụng thương mại quốc tế

Đối với Việt Nam, vụ kiện DS544 mang lại nhiều bài học thực tiễn quan trọng, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập sâu rộng vào chuỗi cung ứng toàn cầu và khả năng phải đối mặt với các biện pháp thương mại có tính phân biệt đối xử viện dẫn “an ninh quốc gia”.

Thứ nhất, Việt Nam cần thiết lập một hệ thống giám sát và phân tích các biện pháp thương mại của các đối tác, đặc biệt là những biện pháp có nguy cơ viện dẫn ngoại lệ an ninh, bao gồm thuế trừng phạt, yêu cầu dán nhãn mới, hạn chế xuất khẩu hay cấm vận. Việc này giúp phát hiện sớm các rủi ro và tạo cơ sở pháp lý để phản đối hoặc khởi kiện các

29 *Tlđđ* (18), đoạn 7.139.

30 *Tlđđ* (18), đoạn 7.143.

31 *Tlđđ* (18), đoạn 7.148.

32 *Tlđđ* (25).

biện pháp bảo hộ trá hình. Tranh chấp DS544 khẳng định rằng không quốc gia nào được phép lạm dụng ngoại lệ an ninh quốc gia trừ khi có tình huống khẩn cấp thực sự trong quan hệ quốc tế. Nắm vững nguyên tắc này giúp Việt Nam chủ động bảo vệ quyền lợi của mình, cả khi là nguyên đơn lẫn bị đơn, đồng thời nâng cao khả năng phòng vệ trước các biện pháp thương mại bất lợi.

Thứ hai, Việt Nam cần thận trọng trong hoạch định và thực thi chính sách thương mại nội địa để giảm thiểu nguy cơ bị khiếu kiện ngược lại tại WTO. Trong bối cảnh nhiều quốc gia đang mở rộng khái niệm “an ninh” sang các lĩnh vực kinh tế và chuỗi cung ứng, các biện pháp mang tính phân biệt đối xử, nếu không đáp ứng điều kiện áp dụng ngoại lệ an ninh, vẫn có thể bị xem là vi phạm các nghĩa vụ không phân biệt đối xử trong WTO.³³ Nếu muốn viện dẫn Điều XXI của Hiệp định GATT 1994 để bảo vệ an ninh quốc gia, Việt Nam cần nhận thức rằng đây không phải là một quyền tự quyết tuyệt đối. Dù vẫn còn nhiều tranh luận, xu hướng giải thích của WTO cho thấy mức độ cần thiết của biện pháp vẫn phải được cơ quan giải quyết tranh chấp đánh giá một cách khách quan, thay vì hoàn toàn phụ thuộc vào tuyên bố đơn phương của quốc gia thành viên. Đáng chú ý, việc xác định sự tồn tại của “tình trạng khẩn cấp trong quan hệ quốc tế” cũng không phải do quốc gia tự đánh giá, mà phải đáp ứng các tiêu chí nghiêm ngặt được xác lập trong DS544 và một số tranh chấp liên quan. Mặc dù đến nay Việt Nam chưa từng là đối tượng của một tranh chấp tại WTO liên quan trực tiếp đến việc viện dẫn Điều XXI, xu hướng “an ninh hóa” thương mại và chuỗi cung ứng trên phạm vi toàn cầu cho thấy khả năng Việt Nam phải sử dụng các công cụ chính sách mang màu sắc an ninh trong tương lai là điều hiển hữu. Chính vì vậy, việc nghiên cứu kỹ ngoại lệ an ninh là cần thiết để Việt Nam có thể chủ động thiết kế và điều chỉnh chính sách thương mại, vừa bảo vệ các lợi ích an ninh thiết yếu, vừa hạn chế nguy cơ bị các đối tác khởi kiện theo Điều XXI. *Thứ ba*, tranh chấp DS544 cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc sử dụng cơ chế pháp lý đa phương của WTO để bảo vệ lợi ích quốc gia. Việc Trung Quốc và Hoa Kỳ đều lựa chọn khuôn khổ WTO cho thấy rằng, dù hệ thống GQTC của tổ chức này đang gặp khó khăn, nó vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc phân định ranh giới giữa sự viện dẫn hợp lý và sự lạm dụng ngoại lệ an ninh quốc gia. Đối với Việt Nam, điều này đặt ra yêu cầu phải chủ động nghiên cứu, chuẩn bị và tham gia vào các cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế, chẳng hạn như Cơ chế Trọng tài phúc thẩm tạm thời (*Multi-Party Interim Appeal Arbitration Arrangement*, MPIA) do Liên minh châu Âu (*European Union*, EU) và một số thành viên WTO sáng lập, nhằm duy trì tính ràng buộc và khả năng thực thi phán quyết trong trường hợp xảy ra tranh chấp thương mại quốc tế.³⁴ Song song đó, Việt Nam cần đầu tư phát triển mạng lưới pháp lý và cơ chế hợp tác thể chế trong các khuôn khổ khu vực như Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (*Association of Southeast Asian Nations*, ASEAN) và Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (*Asia-Pacific Economic Cooperation*, APEC), nhằm nâng cao năng lực thương lượng, phối hợp và phản ứng khi đối mặt với các tranh chấp liên quan đến an ninh thương mại. Để chuẩn bị cho tranh tụng thương mại quốc tế, Việt Nam nên chủ động hệ thống hóa các kết luận điển hình của cơ quan GQTC WTO, xây dựng các tình huống giả định sát với đặc thù các ngành hàng có

33 Ở đây có thể hiểu là các biện pháp nội địa liên quan đến thương mại (thuế, hạn ngạch, ưu đãi, quy định kỹ thuật...) được thiết kế theo cách ưu ái hàng hóa trong nước hoặc một số đối tác “được coi là an toàn” hơn, qua đó làm bất lợi cho hàng hóa của các thành viên khác. Những biện pháp như vậy tiềm ẩn nguy cơ vi phạm các nguyên tắc đãi ngộ tối huệ quốc (MFN) và đối xử quốc gia (NT) nếu không đáp ứng đầy đủ các điều kiện của ngoại lệ an ninh theo Điều XXI GATT 1994 và cách giải thích của cơ quan giải quyết tranh chấp trong các vụ gần đây (như vụ thép và nhôm).

34 Geneva Trade Platform, Multi-Party Interim Appeal Arbitration Arrangement (MPIA), https://wtoplurilaterals.info/plural_initiative/the-mpia/, truy cập ngày 5/10/2025.

nguy cơ bị áp dụng biện pháp bảo hộ dựa trên lý do an ninh quốc gia. Chẳng hạn, nếu một quốc gia viện dẫn tình trạng khẩn cấp về quốc phòng để hạn chế nhập khẩu thép nhập khẩu từ Việt Nam, cơ quan có thẩm quyền cần phân tích tác động kinh tế, đồng thời xây dựng lập luận pháp lý dựa trên Điều XXI của Hiệp định GATT 1994 nhằm chứng minh tình hình tại nước này không đáp ứng tiêu chí “tình trạng khẩn cấp trong quan hệ quốc tế” theo chuẩn mực WTO. Trong lĩnh vực bán dẫn, giả sử một quốc gia cấm nhập khẩu chip bán dẫn từ Việt Nam với lý do bảo đảm an ninh dữ liệu, Việt Nam cần chủ động thu thập bằng chứng cho thấy biện pháp này không đủ điều kiện để được xem là cần thiết, chưa tương xứng với nguy cơ thực tế. Riêng ở các ngành dữ liệu và năng lượng, nếu phía đối tác đặt ra yêu cầu lưu trữ dữ liệu nội địa hoặc hạn chế nhập khẩu năng lượng vì lý do an ninh quốc gia, Việt Nam cần thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành giữa quản lý dữ liệu, năng lượng và thương mại, đánh giá mức độ ảnh hưởng và chuẩn bị đầy đủ căn cứ pháp lý chứng minh rằng biện pháp đưa ra vượt quá mức cần thiết. Trong bối cảnh Việt Nam cũng áp dụng yêu cầu lưu trữ dữ liệu trong lãnh thổ theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 và Luật An ninh mạng 2025, việc đánh giá này càng phải dựa trên các tiêu chí cụ thể như mục tiêu chính sách được viện dẫn (đảm bảo an ninh trên không gian mạng, bảo vệ quyền riêng tư hay bảo hộ doanh nghiệp nội địa), phạm vi và loại dữ liệu bị yêu cầu lưu trữ, đối tượng và ngành dịch vụ bị điều chỉnh, cũng như chi phí và rào cản thị trường mà biện pháp gây ra cho các nhà cung cấp nước ngoài. Việc so sánh có hệ thống những yếu tố này cho phép Việt Nam lập luận rằng, dù biện pháp của mình và của đối tác có hình thức tương đồng, biện pháp của đối tác vẫn có thể bị xem là vượt quá mức cần thiết hoặc mang tính phân biệt đối xử trá hình trong thương mại.

Bên cạnh đó, Việt Nam cần chủ động xác định trước các kịch bản ứng phó, từ tham vấn đến khởi kiện tại WTO, nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia. Trong quá trình khởi kiện, việc phối hợp chặt chẽ với doanh nghiệp để thu thập dữ liệu về thiệt hại thương mại là cần thiết, giúp chứng minh hậu quả mà các biện pháp thương mại của thành viên đối tác gây ra. Cách tiếp cận chủ động này không chỉ cho phép Việt Nam nhận diện rủi ro theo từng ngành hàng mà còn xây dựng chiến lược phòng ngừa và phản ứng cụ thể. Nhờ đó, Việt Nam có thể hạn chế rủi ro từ xu hướng lạm dụng ngoại lệ an ninh, đồng thời tận dụng hiệu quả khung pháp lý trong WTO để bảo vệ lợi ích quốc gia.

Kết luận

Tranh chấp DS544 giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ cho thấy những giới hạn của cách tiếp cận coi Điều XXI(b) của Hiệp định GATT 1994 là một ngoại lệ hoàn toàn thuộc quyền tự xét đoán của các thành viên. Thông qua việc khẳng định thẩm quyền xem xét các điều kiện pháp lý của Điều XXI(b), Ban Hội thẩm đã góp phần định hình một cách hiểu cân bằng hơn về ngoại lệ an ninh trong WTO. Theo đó, quyền bảo vệ lợi ích an ninh thiết yếu vẫn được tôn trọng nhưng không tách rời khỏi các yêu cầu về tính thiện chí, tính hợp lý và sự kiểm tra khách quan.

Vụ việc đồng thời phản ánh một thách thức ngày càng nổi bật của hệ thống thương mại đa phương: làm thế nào để duy trì tính ổn định và dự đoán được của các quy tắc thương mại trong bối cảnh các cân nhắc về địa chính trị và an ninh quốc gia ngày càng ảnh hưởng đến quan hệ kinh tế quốc tế. Trong bối cảnh đó, DS544 không chỉ là một tranh chấp cụ thể giữa hai thành viên WTO mà còn là một dấu mốc quan trọng trong quá trình xác lập ranh giới giữa quyền tự chủ quốc gia và yêu cầu tuân thủ các cam kết quốc tế.

Đối với Việt Nam, những vấn đề pháp lý được đặt ra trong vụ việc có ý nghĩa vượt ra ngoài phạm vi của một tranh chấp đơn lẻ. Sự phát triển trong thực tiễn giải thích Điều XXI(b) của Hiệp định GATT 1994 cho thấy nhu cầu phải theo dõi sát xu hướng vận động của pháp luật WTO nhằm đánh giá chính xác các rủi ro pháp lý phát sinh từ các biện pháp thương mại liên quan đến an ninh quốc gia. Đồng thời, vụ việc cũng gợi mở yêu cầu tăng cường năng lực nghiên cứu, xây dựng lập luận và tham gia GQTC của WTO để bảo đảm rằng lợi ích quốc gia có thể được bảo vệ hiệu quả trong một môi trường thương mại quốc tế nhiều biến động. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] World Trade Organization, *Dispute settlement - the disputes - DS544*, 2022
- [2] James Bacchus, “The black hole of national security: Striking the right balance for the national security exception in international trade”, *Cato Institute Policy Analysis*, No. 936, 2022
- [3] Đinh Khuông Duy, Lê Ngọc Khuông, “Thực tiễn vận dụng Điều XX GATT trong các tranh chấp về nguyên tắc không phân biệt đối xử và bài học cho Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 1, 2016 [trans: Dinh Khuong Duy and Le Ngoc Khuong, “The practice of applying Article XX of the GATT in disputes concerning the principle of non-discrimination and lessons for Vietnam”, *Journal of Legal Studies*, No. 1, 2016]
- [4] Carlos Esplugues, “National Security in International Trade Agreements”, in *Foreign investment, strategic assets and national security*, Chapter, Intersentia, tr. 115-134, 2018, doi: <https://doi.org/10.1017/9781780687100.007>
- [5] Peter Lindsay, “The ambiguity of GATT Article XXI: Subtle success or rampant failure”, *Duke Law Journal*, Vol. 52(6), 1277-1313, 2003
- [6] Japan Ministry of Economy, Trade and Industry (METI), *Security exceptions – interpretation of GATT Article XXI and recent WTO precedents*, 2023
- [7] Kartikey Vipul Misra, “Analysing the ‘self-judging’ nature of Article XXI of the GATT”, *International Journal of Legal Studies and Innovation*, Vol. 4(1), 593-606, 2022, doi: <https://doij.org/10.10000/IJLSI.111358>
- [8] Daniel Rangel, “WTO general exceptions: Trade law’s faulty ivory tower”, *Public Citizen’s Global Trade Watch*, Washington, DC, 2022
- [9] Stephen Schill, Robyn Briese, “If the state considers: Self-judging clauses in international dispute settlement”, *Max Planck Yearbook of United Nations Law*, Vol. 13, 2009, doi: <https://doi.org/10.1163/18757413-90000037>
- [10] Chao Wang, “Invocation of national security exceptions under GATT Article XXI: jurisdiction to review and standard of review”, *Chinese Journal of International Law*, Vol. 18(3), 2019, <https://doi.org/10.1093/chinesejil/jmz029>
- [11] United States Department of Commerce, *Section 232 Investigations: The effect of imports on the national security*
- [12] WTO, *Analytical index – GATT 1994: Security exceptions*, 2012